<HTML>

<h1>...<6> : Chữ từ to đến nhỏ

<strong> : in đậm

<i> <em> <address> : in nghiêng

<sub> : mũ dưới

<sup> : mũ trên

<mark> : làm nổi bật

<u> <ins> :

<br/> : Xuống dòng

<p> : Viết văn bản

<center> : căn đoạn văn bản bên trong thẻ ra giữa trang

< hr >: tạo 1 dòng gạch ngang để ngăn cách 2 dòng chữ

< pre> : hiển thị như những gì mình viết

<CSS>

width : chiều rộng

margin : căn giữa toàn bộ nội dung

background-color : thay đổi màu nền

font-size : thay đổi cỡ chữ

color : thay đổi màu sắc

border : đường viền

text-align: căn lề

Left (trái)

Right (phải)

Center (giữa)

Fustify (2 bên)

text-decoration: trang trí văn bản

uderline (gạch chân)

line-through ( gạch ngang ở giữa)

overline (gạch trên)

none (bỏ gạch)

text-shadow : làm bóng văn bản

VD : text-shadow : 5px-10px 5px red

Phải (5px) trên (10px) nhòe (5px) màu đỏ

**<< TABLE >>**

-boder : 1px solid red;

-boder-collapse : collapse; (tạo 1 đường kẻ)

-table-layout : fixed; (căn đều các dòng)

-tbody tr:nth-last-child (even){ } (**hàng lẻ**)

(odd){ } (**hàng chẵn**)

**<< Dislay >>**

-dislay : none; ( không hiển thị nội dung )

-dislay : inline ( vừa tròn nội dung , không thêm được **width,height** )

-dislay : block ( chiếm toàn bộ hàng chứa nội dung đó )

-dislay : inline – block ( vừa tròn nội dung , thêm được **width,height** )

**<< Đơn vị css >>**

-rem : phụ thuộc vào font-size của thẻ **html{ }**

-em : phụ thuộc vào thẻ cha gần nhất

-vw; vh : (hight, width) tính theo đúng % của trình duyệt

-% : tính theo % của thẻ cha chứa nó

**<< Attributes >>**

Attributes là các thuộc tính của các thẻ trong html VD : onclick; style; class; title ...

VD : <h2 **title**="Đây là tiêu đề" >Attributes</h2>

**<< Các kiểu css trong html >>**

**Internal** (css trong cặp thẻ style ở html)

**External** (css ở file riêng)

**Inline** (css trong thẻ mở. VD :h1, h2 ... )

**<< Tạo biến css>>**

:root {

--tenbien: red;

(Biến toàn cục )

}

**Gọi biến**

Color : var(--tenbien);

Có thể tạo biến ngay trong thẻ và gọi luôn trong thẻ đó (Biến cục bộ)

**<< Box -sizing>>**

Box-sizing : unset; (Hủy đi thuộc tính box-sizing : border -box)

Backgrought-clip : border-box(Mặc định)

Backgrought-clip : padding-box(Đổ màu từ padding vào trong )

Backgrought-clip : content-box(Đổ màu từ content vào trong)

**<< Background-image>>**

Background-image : url ( link… );

Background-size : 100px; ( rộng 100px, dài auto )

Background-repeat : no-repeat; (Mất đi thuộc tính lặp lại)

**<< Background-size>>**

Background-size: contain (Lấy kích thước vừa đủ)

Background-size: cover (Lấy chiều dài bức ảnh mặc kệ bị che khuất, không để hở khoảng trắng)

**<< Background-origin>>**

Backgrought-origin : border-box (Đổ màu từ boder vào trong)

Backgrought- origin : padding-box (Mặc định )

Backgrought- origin : content-box (Đổ màu từ content vào trong)

**<< Background-position>> Vị trí**

Ví dụ : background-position : top left ; (Vị trí ảnh là trên và ở bên trái)

background-position : top 20px left 20px ; (Vị trí ảnh là trên cách 20px và ở bên trái cách 20px)

**<< Background-shorthand>>**

Background: url (link...) no-repeat center / contain;

(Không cho lặp lại, căn giữa, Lấy kích thước vừa đủ không bị khuất ảnh)

**<< CSS functions>>**

**<< Pseudo classes>> (Hiệu ứng)**

:hover {} (Hiệu ứng di chuột)

:active{} (Hiệu ứng khi ấn chuột)

:first-child {} (Selec dòng đầu)

:last-child {} (Selec dòng cuối)

**<< Pseudo elements>> (Tạo lớp giả)**

::before (Tạo lớp giả ở đầu)

::after(Tạo lớp giả ở cuối)

::first-letter (Css cho chữ cái đầu tiên)

::first-line (Css cho dòng đầu tiên)

::selection (Css khi mình bôi đen lên phần tử đó VD: Đổi màu , đổi font ...)

**<< Position: ralative>>**

Là vị trí tương đối, lấy chính mình làm góc tọa độ.

Top, left, right, bottom **chỉ hoạt động** khi có **positinon : ralative**

**<< Position: absolute>>**

Phụ thuộc vào thẻ cha **position** gần nhất để lấy góc tọa độ.

**<< Position: fixed>>**

Làm cho thẻ chứa thuộc tính này dính tại chỗ khi lăn chuột (Không di chuyển)

**<< Position: sticky>>**

Khi lăn chuột sẽ dính lại khi mình lăn chuột (Nó sẽ dừng lại tùy vào **top, bottom** mình đặt)

**<< Flex-box>>**

Flex-wap: wrap; (Thu vào dính nhau tự động xuống dòng )

Flex-basis: 30%; (Chia đều các thẻ con, đặt trong các thẻ con )

**<< BEM>>**

**# Cú pháp :**

.block (Tên class)

.block\_\_element (Tên thẻ con trong class)

.block--modifier

.block\_\_element—modifier

cursor: pointer; (Di chuột vào hiện hình bàn tay thẻ button)

**<< Animation>>**

transform-origin: calc(100% - 20px) top;

(Khi di chuột vào hover chạy từ top ra thay vì từ chính giữa)

**<<Tạo dấu ... ở cuối dòng >>**

**(áp dụng được với 1 dòng)**

Height: 1.8rem; (Tổng độ rộng của thẻ chứa chữ)

Text-overflow: ellipsis;

While-space: nowrap;

**(áp dụng được với 1 hoặc nhiều dòng)**

Height: 3.6rem; (Tổng độ rộng của thẻ chứa chữ)

Overflow: hidden;

Dislay: block;

Dislay: -webkit-box;

-webkit-box-orient: vertical;

-webkit-line-clamp: 2; (**Hiển thị ... ở dòng thứ 2**)

box-shadow: ngang - dưới – nhòe – màu;

Box-sizing: border-box;

// Không làm thay đổi border

@medio sceen

@font-face{ ( Gọi font ra css )

Font-family : ( Đặt tên font )

}

**font awesome 5.0 icon cdn**